BẢN ĐỒ DỰ THẢO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

HUYỆN BÁC ÁI - TỈNH NINH THUẬN

TỈNH KHÁNH HÒA

TỈNH LÂM ĐỒNG

TỈNH LÂM ĐỒNG

TỈNH KHÁNH HÒA

XÃ PHƯỚC BÌNH

TỈNH KHÁNH HÒA

HUYỆN NINH SƠN

XÃ PHƯỚC HÒA

XÃ PHƯỚC TÂN

XÃ PHƯỚC TIẾN

HUYỆN NINH SƠN

XÃ PHƯỚC ĐẠI

XÃ PHƯỚC THÀNH

XÃ PHƯỚC THẮNG

XÃ PHƯỚC CHÍNH

HUYỆN NINH SƠN

HUYỆN THUẬN BẮC

XÃ PHƯỚC TRUNG

HUYỆN NINH SƠN

HUYỆN NINH HẢI

THÀNH PHỐ
PHAN RANG - THÁP CHÀM

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

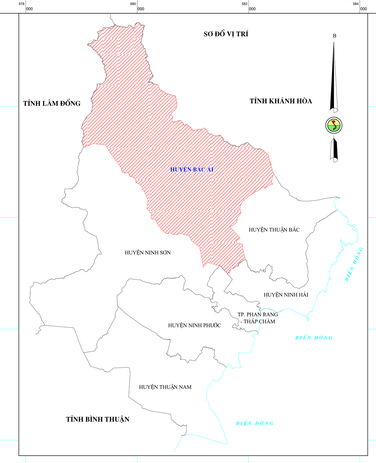

B

CHÚ DẪN

SỐ TT	TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH		TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU	
			CẤP TRÊN PHÂN BỔ	CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH		HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH
1	**Đất nông nghiệp**						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	mã HT		**KÝ HIỆU CÁC CƠ SỞ ĐỊA LÝ**		
1.2	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	mã HT		Ranh giới tỉnh		
1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	mã HT		Ranh giới huyện		
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	mã HT		Ranh giới xã		
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	mã HT		Ranh giới đất đô thị		
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD	mã HT		Ranh giới đất khu kinh tế		
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX	mã HT	mã HT	Ranh giới khu du lịch		
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	mã HT		Ranh giới khu dân cư nông thôn		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH			Trụ sở UBND huyện		
2	**Đất phi nông nghiệp**				Trụ sở UBND xã, thị trấn		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	mã HT		Đình, chùa, miếu, đền		
2.2	Đất an ninh	CAN	mã HT		Nhà thờ		
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	mã HT		Bưu điện		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	mã HT		Sân vận động		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	mã HT		Trường học		
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	mã HT		Bệnh viện, trạm y tế		
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	mã HT		Chợ		
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	mã HT		Đường giao thông		
2.9	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	mã HT		Hồ đập		
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	mã HT		Hồ, ao, sông, suối và ghi chú		
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	mã HT		Kênh mương		
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	mã HT		Đường sắt		
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	mã HT				
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	mã HT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	mã HT				
2.16	Đất cơ sở tôn giáo	TON	mã HT				
2.17	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	mã HT	mã HT			
2.18	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX					
2.19	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.20	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV					
2.21	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.22	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					
2.23	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.24	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	**Đất chưa sử dụng**	CSD					

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÁC ÁI	PHÂN VIỆN QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ NÔNG NGHIỆP MIỀN TRUNG
Ninh Thuận, ngày ..... tháng ..... năm 20.....	*Ninh Thuận, ngày ..... tháng ..... năm 20.....*	*Bác ái, ngày ..... tháng ..... năm 20.....*	*Khánh Hòa, ngày ..... tháng ..... năm .....*
CHỦ TỊCH	GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH	PHÂN VIỆN TRƯỞNG

CƠ CẤU, DIỆN TÍCH ĐẤT ĐAI ĐẾN NĂM 2030

(Tổng diện tích tự nhiên: 102.184,65 Ha)

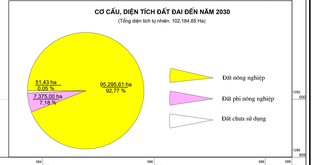

NGUỒN TÀI LIỆU : - Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, khoanh đất thống kê năm 2017
- Bản đồ quy hoạch nông nghiệp, xây dựng,..
- Bản đồ nền kinh tuyến trục 108 ° 15 ' múi 3 ° . Hệ toạ độ VN2000

TỶ LỆ 1 : 25000

1 cm trên bản đồ bằng 250m ngoài thực địa

500m 250m 0 500m 1000m 1500m 2000m

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG BẢN ĐỒ
Phân viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp miền Trung